

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 20-04-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHHH(MSB).

Địa chỉ trụ sở chính: số 54A đường NCT, quận Đ, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180 – 192 đường NCT, phường N, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Chức vụ: Tổng giám đốc NHHH.

Địa chỉ: số P602B2, chung cư 151A đường NĐC, phường TM, quận H, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: số BT49, H7TT1, phường X, quận BT, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Tổ tụng và Mua bán nợ, Khối Quản lý Tín dụng.

Địa chỉ: số P1505CC đường C, phường T, quận T, thành phố H. Theo giấy

ủy quyền số 1334/2020/UQ-TGD12 ngày 01/04/2020.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Ngô Hùng S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 248 đường T, phường M, thành phố L, tỉnh A (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: tầng 23, Tòa nhà TNR, số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Theo giấy ủy quyền số 3597/2020/GUQ-TGD12 ngày 06/07/2020.

2. Bị đơn:

2. 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 375/24, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

2. 2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 847/43, khóm Bình Khánh 1, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 08 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Ngô Hùng S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07 tháng 04 năm 2011, NHMK – PMB (nay là NHHH – gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HH0273/HĐTD-MDB với bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Văn T. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho bà C và ông T vay 100.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; từ ngày 08 tháng 04 năm 2011 đến ngày 08 tháng 04 năm 2012; lãi suất cho vay là 1,9%/tháng tính trên dư nợ thực tế, lãi suất nợ quá hạn: 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phương thức trả nợ vốn cuối kỳ vào ngày đáo hạn, trả tiền lãi hàng tháng.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, bà C và ông T thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01249.QSDĐ/fA ngày 01 tháng 07 năm 2003 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02875.QSDĐ/fA ngày 01/06/2004 được Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ C, việc thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho bà C và ông T, bà C đã nhận số tiền 100.000.000 đồng. Do bà C, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn, lãi nên đến ngày 08/04/2012 Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nhiều lần Ngân hàng liên hệ bà C và ông T thanh toán nợ vốn, lãi nhưng ông bà không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C, ông T liên

đổi trách nhiệm thanh toán số tiền 249.205.654đ, trong đó nợ gốc: 44.000.000đ, nợ lãi trong hạn 137.193.380đ, nợ lãi quá hạn 68.012.274đ. Yêu cầu tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HH0273/HĐTD-MDB ngày 07/04/2011 cho đến khi bà C, ông T trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà C, ông T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HH0273/2011/BĐ, ngày 07/04/2011 để thu hồi nợ vay.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ vốn, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng cộng 275.879.567 đồng (tạm tính đến hết ngày 20/04/2023), tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm để thi hành án về sau.

Bị đơn bà C, ông T vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không yêu cầu xét xử vắng mặt và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện củ nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07/04/2011, giữa bà C và ông T và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HH0273/HĐTD-MDB với Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mức lãi suất cho vay đến ngày 08/04/2012: 1.9%/tháng; Có tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất được nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà C và ông T đã trả vốn 66.000.000 đồng, lãi 13.590.000 đồng. Tính đến ngày 20/04/2023, bà C và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Đối với bị đơn dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, nội dung các bên đã thỏa thuận quyền và nghĩa vụ các bên, số tiền, mục đích vay và thời hạn vay, phương thức trả nợ, cam kết trả nợ,... do đó giao kết hợp đồng các bên có giá trị pháp lý. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà C, ông T thực hiện nghĩa vụ trả vốn gốc, lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ

luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà C và ông T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/4/2023 là 275.879.567 đồng, trong đó: nợ gốc 34.000.000 đồng, lãi trọng hạn 9.526.667 đồng, lãi quá hạn 232.352.900 đồng; lãi suất theo quy định cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp là bất động sản tọa lạc tại xã M, thành phố L, tỉnh A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 01249 ngày 01/7/2003 và số 02875 ngày 01/6/2014 mang tên bà C, khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì đề xuất xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[01] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn NHHHdo ông Ngô Hùng S đại diện theo ủy quyền có mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C, ông T không đến Tòa và vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T.

[02] NHHHủy quyền cho Ông Bùi Đức Q sinh năm 1974 – Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng. Theo giấy ủy quyền số 1334/2020/UQ-TGĐ12 ngày 01/04/2020. Đến ngày 06 tháng 07 năm 2020, ông Bùi Đức Quang ủy quyền cho ông Ngô Hùng Sỹ, ông Nguyễn Văn T, theo giấy ủy quyền số 3597/2020/GUQ-TGĐ12. Xét nội dung việc ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 562, Điều 563 Bộ Luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[03] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng khởi kiện tranh chấp về số tiền theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HH0273/HĐTD-MDB, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Bị đơn có nơi cư trú tại: xã M, thành phố L, tỉnh A đã được thể hiện theo hợp đồng. Xét yêu cầu

của Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

[04] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng tín dụng số HH0273/HĐTD-MDB ngày 07/04/2011: Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T là người ký tên vay với tư cách là bên vay tiền của NHMK – PMB (nay là NHHH). Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[05] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Bà C và ông T đã vay số tiền 100.000.000 đồng, đến nay ông bà chưa trả tiền nợ vốn, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4, Điều 8 Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà C và ông T có nghĩa vụ trả số tiền 275.879.567đ. Trong đó: tiền vốn còn lại 34.000.000đ, tiền lãi trong hạn 9.526.667đ, tiền lãi quá hạn 232.352.900đ là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[06] Bà C, ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu đối với ý kiến trình bày, yêu cầu của Ngân hàng nên không có cơ sở Hội đồng xét xử xem xét nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[07] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Ngày 07/04/2011, Ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0273/2011/BĐ với bà C và ông T. Theo hợp đồng bà C và ông T thế chấp quyền sử dụng đất số 01249.QSDĐ/fA ngày 01/07/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh A cấp cho bà C và quyền sử dụng đất số 02875.QSDĐ/fA ngày 01/06/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố L, cấp cho bà C đã có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L) là phù hợp quy định tại Điều 317, Điều 319, Điều 327, Điều 500, Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0273/2011/BĐ ngày 07/04/2011 ký kết giữa Ngân hàng với bà C và ông T có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành, cần duy trì để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng về sau nên được chấp nhận.

[08] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà C, ông T liên đới trách nhiệm nộp 13.794.000đ (làm tròn) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng được nhận lại số tiền 6.230.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0001190 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

[09] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà C, ông T liên đới trách nhiệm nộp số tiền 500.000đ tại Cơ quan thi hành án có thẩm đề hoàn trả cho Ngân hàng. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 500.000đ, Ngân hàng do ông Ngô Hùng S là người đại diện theo ủy quyền đã nhận số tiền 500.000đ theo biên bản quyết toán ngày 20/04/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 327, Điều 463, Điều 466, Điều 500, Điều 502, Điều 562, Điều 563 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHHH đối với bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T liên đới trách nhiệm trả cho NHHH số tiền: 275.879.567đ (hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó, tiền vốn 34.000.000đ, tiền lãi trong hạn 9.526.667đ, tiền lãi quá hạn 232.352.900đ, (tạm tính đến ngày 20/04/2023).

Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HH0273/2011/HĐTD-MDB ngày 07/04/2011 cho đến khi bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0273/2011/BĐ ngày 07/04/2011 giữa NHMK – Phòng giao dịch Mỹ Bình (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam) với bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T. Kèm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01249.QSDĐ/fA ngày 01/07/2003 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02875.QSDĐ/fA ngày 01/06/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ C cho đến khi bà C và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2023, bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho NHHH số tiền 6.230.000đ (sáu triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0001190, ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T liên đới trách nhiệm nộp 13.794.000đ (mười ba triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng) tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Thanh T liên đới trách nhiệm nộp số tiền 500.000đ tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để hoàn trả cho Ngân hàng.

Trả lại cho NHHH do ông Ngô Hùng S là người đại diện theo ủy quyền nhận số tiền 500.000đ, đã nhận đủ theo biên bản quyết toán ngày 20/04/2023.

NHHH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông bà theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương

